

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày: 26-3-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thuý;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Hoàn;

Bà Nguyễn Thị Chiêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/TLST- HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐ-HPT ngày 12/3/2025, đối với các bị cáo:

1. Lê Đức T, sinh ngày 01/11/2007 (phạm tội khi 16 tuổi 04 tháng 05 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi ĐKKHKT và cư trú: Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K và bà Hoàng Thị N; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Danh bản, chỉ bản số 168 do Công an huyện Đ lập ngày 11/7/2024. Bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 22/08/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đức T: Ông Lê Văn K, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố H ; đều có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 29/11/2007 (phạm tội khi 16 tuổi 03 tháng 06 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Cụm 7, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc T2 và bà Nguyễn Thị T3; vợ, con: chưa. Tiền án: không; Tiền sự: không.

Danh bản, chỉ bản số 171 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024. Bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 22/08/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hữu T1: Ông Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1986 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1986 (có mặt); địa chỉ: Cụm 7, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H;

3. Phạm Văn M, sinh ngày 29/11/2007 (phạm tội khi 16 tuổi 03 tháng 06 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ1, xã P, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Trần Thị D; vợ con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Danh bản, chỉ bản số 172 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024; Bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 22/08/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn M: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1984 và bà Trần Thị D, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ1, xã P, huyện Đ, Thành phố H; có mặt tại phiên toà.

4. Lê Thành Đ2, sinh năm 2005 tại huyện B, tỉnh L1; nơi ĐKKHKT: Thôn T4, xã L2, huyện B1, tỉnh L1; chỗ ở hiện tại: Thôn L3, xã P, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình Đ3 và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Danh bản, chỉ bản số 176 do Công an huyện Đ lập ngày 12/7/2024; Bị bắt tạm giam từ ngày 12/7/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố Hà Nội; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. Phạm Văn Q, sinh ngày 01/02/2006 (phạm tội khi 18 tuổi 01 tháng 5 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn Đ1, xã P, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Trần Thị D; vợ con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Danh bản, chỉ bản số 173 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024; Bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố Hà Nội; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

6. Kim Anh H1, sinh ngày 19/09/2006 (phạm tội khi 17 tuổi 05 tháng 16 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn 1, xã Tr, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Kim Anh T4; con bà: Đỗ Thị Th; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Danh bản, chỉ bản số 175 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024; Bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 06/09/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Kim Anh H1: Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 1, xã Tr, huyện Đ, Thành phố H; có mặt tại phiên toà.

7. Hoàng Tuấn D1, sinh ngày 20/08/2006 (phạm tội khi 17 tuổi 06 tháng 15 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Cụm 4, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Huy Tr1 và bà Trịnh Thị Th2; vợ, con: chưa có. Tiền án; tiền sự: không.

Danh bản, chỉ bản số 164 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024; Bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 06/09/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Tuấn D1: Ông Hoàng Huy Tr1, sinh năm 1979 và bà Trịnh Thị Th2, sinh năm 1984; địa chỉ: Cụm 4, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; có mặt tại phiên toà.

8. Hoàng Tuấn A, sinh ngày 20/8/2006 (phạm tội khi 17 tuổi 06 tháng 15 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Cụm 4, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Huy Tr1 và bà Trịnh Thị Th2; vợ, con: chưa có. Tiền án; tiền sự: không.

Danh bản, chỉ bản số 163 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024; Bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 06/09/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Tuấn A: Ông Hoàng Huy Tr1, sinh năm 1979 và bà Trịnh Thị Th2, sinh năm 1984; địa chỉ: Cụm 4, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; có mặt tại phiên toà.

9. Lê Văn G, sinh ngày 24/3/2007 (phạm tội khi 16 tuổi 11 tháng 11 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Cụm 10, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Tr2 và bà Trần Thị H3; vợ, con: chưa có. Tiền án; tiền sự: không.

Danh bản, chỉ bản số 165 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024; Bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 06/09/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn G: Ông Lê Văn Tr2, sinh năm 1982 và bà Trần Thị H3, sinh năm 1983; địa chỉ: Cụm 10, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; có mặt tại phiên toà.

10. Nguyễn Vinh Q1, sinh ngày 25/4/2007 (phạm tội khi 16 tuổi 10 tháng 16 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Cụm 6, xã H4, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sinh Kh và bà Đỗ Thị Ng; vợ, con: chưa có. Tiền án; tiền sự: không;

Danh bản, chỉ bản số 174 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024; Bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 22/08/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Vinh Q1: Ông Nguyễn Sinh Kh, sinh năm 1980 và bà Đỗ Thị Ng, sinh năm 1989; địa chỉ: Cụm 6, xã H4, huyện Đ, Thành phố H; có mặt tại phiên toà.

11. Đào Ngọc Q3, sinh ngày 01/08/2007 (phạm tội khi 16 tuổi 07 tháng 05 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Cụm 3, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn Ng1 và bà Trần Thị Hồng A1; vợ, con: chưa có. Tiền án; tiền sự: không;

Danh bản, chỉ bản số 338 do Công an huyện Đ lập ngày 11/10/2024; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2024 đến ngày 25/11/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đào Ngọc Q3: Ông Đào Văn Ng1, sinh năm 1981 và bà Trần Thị Hồng A1, sinh năm 1983; địa chỉ: Cụm 3, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; có mặt tại phiên toà.

12. Trần Tiến Đ4, sinh ngày 05/11/2007 (phạm tội khi 16 tuổi 04 tháng 01 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Cụm 10, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th4 và bà Chu Thị Th5; vợ, con: chưa có. Tiền án; tiền sự: không;

Danh bản, chỉ bản số 167 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024; Bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 06/09/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Tiến Đ4: Ông Trần Văn Th4, sinh năm 1984 và bà Chu Thị Th5, sinh năm 1984; địa chỉ: Cụm 10, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; có mặt tại phiên toà.

13. Lê Cẩm T4, sinh ngày 08/12/2007 (phạm tội khi 16 tuổi 04 tháng 05 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T5 và bà Trần Thị Hải Y; vợ, con: chưa có. Tiền án; tiền sự: không;

Danh bản, chỉ bản số 166 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024; Bị tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 22/08/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Cẩm T4: Ông Lê Văn T5, sinh năm 1978 và bà Trần Thị Hải Y, sinh năm 1980; địa chỉ: Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố H; có mặt tại phiên toà.

14. Nguyễn Tiến B2, sinh ngày 09/01/2008 (phạm tội khi 16 tuổi 01 tháng 26 ngày) tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Cụm 1, xã Th1,

huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến T6 và bà Nguyễn Thị H4; vợ, con: chưa có. Tiền án; tiền sự: không;

Danh bản, chỉ bản số 169 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024; Bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 22/08/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cầm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tiến B2: Ông Nguyễn Tiến T6, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1982; địa chỉ: Cụm 1, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H (là bố mẹ đẻ); có mặt tại phiên toà.

15. Nguyễn Minh Đ4, sinh năm 2003 tại huyện Đ, Thành phố H; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Cụm 1, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công T7 và bà Lê Thị Thùy Ph; vợ, con: chưa có. Tiền án; tiền sự: không;

Danh bản, chỉ bản số 170 do Công an huyện Đ lập ngày 11/07/2024; Bị tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 22/08/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cầm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh Đ4: Ông Nguyễn Công T7, sinh năm 1976 và bà Lê Thị Thùy Ph, sinh năm 1984; địa chỉ: Cụm 1, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H; có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh Đ4, Đào Ngọc Q3, Kim Anh H1, Lê Văn G, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Tiến B2, Lê Cẩm T4: Bà Dương Bích Hải, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Tuấn D1, Trần Tiến Đ4, Phạm Văn M, Nguyễn Vinh Q1, Lê Đức T: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Nguyễn Hoàng Tuấn A, sinh ngày 13/6/2008;

Người đại diện hợp pháp của anh Tuấn Anh: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1987 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1987 (là bố mẹ đẻ);

Cùng địa chỉ: Cụm 5, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H.

+ Anh Nguyễn Hoàng H3, sinh ngày 31/10/2008;

Người đại diện hợp pháp của anh H3: Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1985 (là bố mẹ đẻ);

Cùng địa chỉ: Cụm 8, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H.

+ Anh Lê Đức Th4, sinh ngày 26/8/2008;

Người đại diện hợp pháp của anh Thiệp: Bà Trần Thị Th5, sinh năm 1988 (là mẹ đẻ).

Cùng địa chỉ: Cụm 10, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H.

+ Anh Nguyễn Tuấn D3, sinh năm 2010;

Người đại diện hợp pháp của anh D3: Ông Nguyễn Lương D4, sinh năm 1973

và bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1975 (là bố mẹ đẻ);

Cùng địa chỉ: Cụm 2, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H.

+ Anh Nguyễn Văn Ng4, sinh năm 2010;

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn: Ông Nguyễn Văn B3, sinh năm 1988 và bà Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1990 (là bố mẹ đẻ);

Cùng địa chỉ: Cụm 12, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do Lê Đức T (sinh ngày 01/11/2007; trú tại Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố H) và Phạm Văn M (sinh ngày 29/11/2007; trú tại thôn Đ1, xã P, huyện Đ, Thành phố H) bị nhóm thanh niên ở làng Bá thuộc xã H4, huyện Đ, Thành phố H đánh ngày hôm trước nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/03/2024, Lê Đức T, Phạm Văn M và Nguyễn Hữu T1 (sinh ngày 29/11/2007; trú tại cụm 7, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H) đã rủ 17 đối tượng khác, gồm: Nguyễn Văn Ng4 (sinh ngày 29/3/2010, trú tại cụm 12, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H); Lê Cẩm T4 (sinh ngày 08/12/2007; trú tại Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố H); Nguyễn Tiến B2 (sinh ngày 09/01/2008; trú tại cụm 1, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H); Nguyễn Hoàng H3 (sinh ngày 31/10/2008; trú tại cụm 8, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H); Đào Ngọc Q3 (sinh ngày 01/8/2007; trú tại cụm 4, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H); Nguyễn Minh Đ4 (sinh năm 2003; trú tại cụm 1, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H); Nguyễn Hoàng Tuấn A (sinh ngày 13/6/2008; trú tại cụm 5, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H); Lê Văn G (sinh ngày 24/3/2007; trú tại cụm 10, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H); Trần Tiến Đ4 (sinh ngày 05/11/2007; trú tại cụm 10, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H); hai anh em Hoàng Tuấn D1 và Hoàng Tuấn A (sinh ngày 20/8/2006; cùng trú tại cụm 4, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H); Phạm Văn Q (sinh ngày 01/02/2006; trú tại thôn Đ1, xã P, huyện Đ, Thành phố H); Lê Thành Đ2 (sinh năm 2005; trú tại thôn Thanh Bình, xã Lộc Đức, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng); Nguyễn Vinh Q1 (sinh ngày 25/4/2007; trú tại cụm 6, xã H4, huyện Đ, Thành phố H; Kim Anh H1 (sinh ngày 25/4/2007; trú tại thôn 1, xã Trung Châu, huyện Đ, Thành phố H); Nguyễn Tuấn D3 (sinh ngày 25/8/2010; trú tại cụm 2, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H), Lê Đức Th4 (sinh ngày 26/8/2008; trú tại cụm 10, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H) đi đánh nhóm thanh niên làng Bá, tất cả đồng ý. Nhóm của Thành đến ao cụm 7, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H, Triết vào lấy 01 tuýp sắt dài khoảng 2.5 mét đầu có gắn dao nhọn và 01 tuýp sắt không gắn dao dài khoảng 02m, số người còn lại đến khu vực nghĩa trang xã Phương Đình lấy 05 tuýp sắt dài khoảng 2.5 mét đầu có gắn dao nhọn, 02 tuýp sắt không gắn dao dài khoảng 02m (do Thiệp, Minh hàn gắn trước đó) và 01 thùng vỏ chai bằng thủy tinh (do Thành, Thiệp chuẩn bị trước đó). Sau đó, Thiệp điều khiển xe máy BKS 29X3- 590.06 cho

Thành và Tú ngồi sau mỗi người cầm theo 01 tuýp sắt có gắn dao dài khoảng 2,5m; Hải điều khiển xe máy BKS 29X3 - 575.12 chở sau Quang cầm 02 vỏ chai bia và Điền cầm theo 01 vỏ chai bia và 01 tuýp sắt không gắn dao, Đức điều khiển xe máy BKS 29X3 - 430.31 chở sau Hoàng Tuấn A cầm 01 tuýp sắt gắn dao bầu, Giới cầm 01 tuýp sắt có gắn dao dài khoảng 2,5m, Dũng điều khiển xe máy BKS 29X3 - 079.93 chở sau Minh cầm theo tuýp sắt gắn dao và Phạm Văn Q cầm theo 01 tuýp sắt gắn dao dài khoảng 2,5m, Nguyễn Hoàng Tuấn A điều khiển xe máy BKS 29B1 - 150.60 chở sau Dương cầm theo 01 tuýp sắt gắn dao dài khoảng 2,5m và Nguyễn cầm theo 02 vỏ chai bia, Bách điều khiển xe máy BKS 29AA - 523.23 chở sau Triết cầm theo 01 tuýp sắt gắn dao dài khoảng 2,5m và Quốc không cầm theo gì, Hiệp điều khiển xe máy BKS 29L5 - 426.59 chở sau Đường cầm theo 01 tuýp sắt không gắn dao dài khoảng 02 m đi lên quai đê xã Phương Đình đi vào đường N4. Khi đến khu vực gần cổng trụ sở Công an xã Th1 trên đường N4 thì nhóm Thành gặp 03 nam thanh niên (không rõ tên tuổi địa chỉ) đang đi xe máy, 03 người này lấy gạch và vỏ chai thủy tinh ném về phía nhóm Thành rồi bỏ chạy. Nghi ngờ nhóm này là nhóm ở làng Bá, xã H4 nên nhóm của Thành đuổi theo với tốc độ cao, hò hét, chửi bới nhóm kia, làm người dân đi đường hoang mang, lo sợ. Khi đi đến đoạn đường đê thuộc thôn 8, xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, nhóm Thành gặp lực lượng Công an xã Trung Châu thì cả nhóm bỏ chạy, bỏ lại tại hiện trường 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu xanh đen, biển kiểm soát 29X3 - 590.06 cùng đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Bắc (sinh năm 1988 là bố của Nguyễn), 01 tuýp sắt dài khoảng 2,5 mét đầu gắn dao và 01 lưỡi dao loại dao bầu dài khoảng 25cm bị gãy cán.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng và các đồ vật, tài sản gồm:

- Thu giữ tại hiện trường 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 29X3 - 590.06 cùng đăng ký xe, 01 tuýp sắt dài khoảng 2,5 mét đầu gắn dao và 01 lưỡi dao loại dao bầu dài khoảng 25cm bị gãy cán.

- Thu giữ 01 USB lưu trữ đoạn video do camera an ninh của Công an xã Trung Châu đặt trên đường thuộc thôn 8, xã Trung Châu, huyện Đ, Thành phố H.

- Thu giữ 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax có thuê bao 0969636029 của Lê Thành Đ2;

- Thu giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, có thuê bao 0973282599 của Lê Cẩm T4;

- Thu giữ 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29X3-430.31 của ông Hoàng Huy Trường (sinh năm 1979 là bố của Hoàng Tuấn A);

- Thu giữ 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29L5-426.59 của Nguyễn Minh Đ4;

- Thu giữ 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29AA-523.23 của ông Đào Văn Dũng (sinh năm 1987 là chú của Đào Ngọc Q3);

- Thu giữ 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29B1-150.60 của Nguyễn Tuấn D3;
- Thu giữ 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29X3-079.93 của bà Trần Thị Duyên (sinh năm 1984 là mẹ của Phạm Văn Q);
- Thu giữ 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29X3-575.12 của Nguyễn Vinh Q1.

- Đối với số tuýp sắt (gắn dao bầu), vỏ chai còn lại các bị can sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội đã bị các bị can vứt trên đường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk tiến hành rà soát nhưng không thu giữ được.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra có nhận được Văn bản số 147/CV-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã Th1 và Công văn số 16/CV/UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã Trung Châu, với nội dung: “...Trong quá trình di chuyển trên đường, nhóm nam thanh niên trên có hành vi hò hét, mài tuýp sắt xuống đường, gây bức xúc ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của quần chúng nhân dân sống xung quanh khu vực nơi xảy ra sự việc, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đề nghị Công an huyện Đxử lý nghiêm đối với các đối tượng trên...”.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Bản Cáo trạng số 03/CT - VKSDP ngày 15 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố H truy tố Lê Đức T, Nguyễn Hữu T1, Phạm Văn M, Lê Thành Đ2, Phạm Văn Q, Kim Anh H1, Hoàng Tuấn D1, Hoàng Tuấn A, Lê Văn G, Nguyễn Vinh Q1, Đào Ngọc Q3, Trần Tiến Đ4, Lê Cẩm T4, Nguyễn Tiến B2, Nguyễn Minh Đ4 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai trong quá trình điều tra và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Minh Đ4, Đào Ngọc Q3, Kim Anh H1, Lê Văn G, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Tiến B2, Lê Cẩm T4, Hoàng Tuấn A, Hoàng Tuấn D1, Trần Tiến Đ4, Phạm Văn M, Nguyễn Vinh Q1, Lê Đức T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt: Lê Đức T từ 18 tháng đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Hữu T1 từ 18 tháng đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Phạm Văn M từ 18 tháng đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Lê Thành Đ2 từ 26 tháng đến 28 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Phạm Văn Q từ 26 tháng đến 28 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Kim Anh H1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Hoàng Tuấn D1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Hoàng Tuấn A từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Văn G từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Vinh Q1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Đào Ngọc Q3 từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Tiến Đ4 từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Cẩm T4 từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Tiến B2 từ 15

tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Minh Đ4 từ 24 tháng đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng.

Giao các bị cáo được hưởng án treo về UBND xã nơi cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 tuýp sắt dài khoảng 2,5m, đầu gắn dao nhọn dài khoảng 50cm; 01 lưỡi dao bầu bị gãy cán dài khoảng 25cm.

Về nghĩa vụ dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị gì nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Vụ án được điều tra, truy tố đúng thẩm quyền, đúng trình tự tố tụng. Căn cứ ban hành các văn bản và quyết định tố tụng hợp pháp, khách quan, đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Do bị nhóm thanh niên làng Bá (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) thuộc xã H4, huyện Đ, Thành phố H đánh nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/03/2024, Lê Đức T, Phạm Văn M và Nguyễn Hữu T1 đã rủ Lê Cẩm T4, Nguyễn Tiến B2, Đào Ngọc Q3, Nguyễn Minh Đ4, Lê Văn G, Trần Tiến Đ4, Hoàng Tuấn D1, Hoàng Tuấn A, Phạm Văn Q, Lê Thành Đ2, Nguyễn Vinh Q1, Kim Anh H1, Nguyễn Hoàng Tuấn A, Lê Văn Thiệp, Nguyễn Hoàng H3, Nguyễn Tuấn D3 và Nguyễn Văn Ng4 đi đánh nhóm thanh niên trên, tất cả đồng ý. Nhóm của Thành đến ao cụm 7, xã Th1, huyện Đ, Thành phố H, Triết vào lấy 01 tuýp sắt dài khoảng 2.5 mét đầu có gắn dao nhọn và 01 tuýp sắt không gắn dao dài khoảng 02m, số người còn lại đến khu vực nghĩa trang xã Phương Đình lấy 05 tuýp sắt dài khoảng 2.5 mét đầu có gắn dao nhọn, 02 tuýp sắt không gắn dao dài khoảng 02m (do Thiệp, Minh hàn gắn trước đó) và 01 thùng vỏ chai bằng thủy tinh (do Thành, Thiệp chuẩn bị trước đó). Sau đó, Thiệp điều khiển xe máy BKS 29X3- 590.06 cho Thành và Tú ngồi sau mỗi người cầm theo 01 tuýp sắt có gắn dao dài khoảng 2,5m, Hải điều khiển xe máy BKS 29X3- 575.12 chở sau Quang cầm 02 vỏ chai bia và Điền cầm theo 01 vỏ chai bia và 01 tuýp sắt không gắn dao, Đức điều khiển xe máy BKS 29X3- 430.31 chở sau Hoàng Tuấn A cầm 01 tuýp sắt gắn dao bầu, Giới cầm 01 tuýp sắt có gắn dao dài khoảng 2,5m, Dũng điều khiển xe máy BKS 29X3- 079.93 chở sau Minh cầm theo tuýp sắt gắn dao và Phạm Văn Q cầm theo 01 tuýp

sắt gắn dao dài khoảng 2,5m, Nguyễn Hoàng Tuấn A điều khiển xe máy BKS 29B1-150.60 chở sau Dương cầm theo 01 tuýp sắt gắn dao dài khoảng 2,5m và Nguyễn cầm theo 02 vỏ chai bia, Bách điều khiển xe máy BKS 29AA- 523.23 chở sau Triết cầm theo 01 tuýp sắt gắn dao dài khoảng 2,5m và Quốc không cầm theo gì, Hiệp điều khiển xe máy BKS 29L5- 426.59 chở sau Đường cầm theo 01 tuýp sắt không gắn dao dài khoảng 02 m đi lên quai đê xã Phương Đình đi vào đường N4. Khi đến khu vực gần công trụ sở Công an xã Th1 trên đường N4 thì nhóm Thành gặp 03 nam thanh niên (không rõ tên tuổi địa chỉ) đang đi xe máy, 03 người này lấy gạch và vỏ chai thủy tinh ném về phía nhóm Thành rồi bỏ chạy. Nghi ngờ nhóm này là nhóm thanh niên xã H4 nên nhóm của Thành đuổi theo với tốc độ cao, hò hét, chửi bới nhóm kia, làm người dân đi đường hoang mang, lo sợ. Khi đi đến đoạn đường đê thuộc thôn 8, xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, nhóm Thành gặp lực lượng Công an xã Trung Châu thì cả nhóm bỏ chạy, vứt hung khí trên đường bỏ chạy.

[3] Hành vi của các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Hữu T1, Phạm Văn M, Lê Thành Đ2, Phạm Văn Q, Kim Anh H1, Hoàng Tuấn D1, Hoàng Tuấn A, Lê Văn G, Nguyễn Vinh Q1, Đào Ngọc Q3, Trần Tiến Đ4, Lê Cẩm T4, Nguyễn Tiến B2, Nguyễn Minh Đ4 lái xe máy trên đường với tốc độ cao, hò hét, chửi bới gây láo loạn nhau tại khu vực dân cư là nơi công cộng đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, ảnh hưởng đến trạng thái hoạt động bình thường của xã hội, khiến cho nhiều người hoang mang, lo sợ. Khi thực hiện hành vi, ngoài Lê Thành Đ2, Nguyễn Minh Đ4, Phạm Văn Q là người đã thành niên các bị cáo còn lại đang là vị thành niên nhưng các bị cáo đã đầy đủ khả năng nhận thức, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Gây rối trật tự công cộng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung là “Dùng hung khí”. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng truy tố bị cáo theo tội danh và viện dẫn điều luật nêu trong cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự, an toàn công cộng, gây mất trật tự xã hội tại khu vực dân cư. Các bị cáo tập trung nhiều người, dùng hung khí nguy hiểm đánh đuổi nhau thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với mức độ phạm tội của từng bị cáo.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Các bị cáo không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ từ trước và đều là người thực hành. Cá thể hóa vị trí vai trò, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm đối với từng bị cáo như sau:

[4.1] Bị cáo Lê Đức T là người cầm đầu, khởi xướng, vì mâu thuẫn cá nhân giữa bị cáo Thành và Minh với một nhóm ở xã H4 mà bị cáo Thành đã rủ các bị cáo khác đi đánh nhau, ngoài ra bị cáo còn là người cùng với Thiệp chuẩn bị 01 thùng vỏ chai bằng thủy tinh. Do đó phải xử phạt Thành mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe bị cáo và phòng ngừa giáo dục chung.

Đối với Lê Thành Đ2 và Phạm Văn Q đã thành niên. Đức có vai trò thứ hai trong vụ án, nên cần xử phạt Đức và Quang mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Với bị cáo Nguyễn Hữu T1 là người chuẩn bị 01 tuýp sắt dài khoảng 2.5 mét đầu có gắn dao nhọn và 01 tuýp sắt không gắn dao dài khoảng 02m, Phạm Văn M cùng với Thiệp chuẩn bị 02 tuýp sắt không gắn dao dài khoảng 02m, nên Triết và Minh chịu trách nhiệm hình sự cao hơn.

Các bị cáo còn lại đều trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, có vai trò tương đương nhau nên chịu mức hình phạt ngang nhau nhưng thấp hơn bị cáo Thành, Triết, Minh.

Trong vụ án có Lê Đức T, Nguyễn Hữu T1, Phạm Văn M, Kim Anh H1, Hoàng Tuấn D1, Hoàng Tuấn A, Lê Văn G, Nguyễn Vinh Q1, Đào Ngọc Q3, Trần Tiến Đ4, Lê Cẩm T4, Nguyễn Tiến B2 khi phạm tội đang là vị thành niên nên cho các bị cáo được hưởng mức án thấp hơn các bị cáo khác.

[4.2] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Với bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Tuấn D1 gia đình có công với cách mạng, bị cáo Đường là người khuyết tật, bị cáo Quốc đầu thú. Đây là các tình tiết quy định tại điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng, cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành người tốt cho gia đình và xã hội.

[5] Đối với Nguyễn Hoàng Tuấn A, Lê Văn Thiệp, Nguyễn Hoàng H3 do chưa đủ 16 tuổi nên Công an huyện đã xử phạt hành chính là có căn cứ. Đối với Nguyễn Tuấn D3, Nguyễn Văn Ng4 chưa đủ 14 tuổi nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Đối với 03 nam thanh niên (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đuổi đánh nhóm của Thành, Cơ quan điều tra đã điều tra nhưng không làm rõ được để xử lý.

[6] Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax có thuê bao 096963029 của Lê Đức T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, có thuê bao 0973282599 của Lê Cẩm T4, kết quả điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của Thành, Tú nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Thành, Tú là có căn cứ.

Đối với 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29X3-430.31 thu giữ của ông Hoàng Huy Trường (sinh năm 1979 là bố của Hoàng Tuấn A), kết quả điều tra xác định ông Trường không biết việc Tuấn Anh sử dụng xe máy trên để thực hiện hành vi phạm tội; 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29L5-426.59 thu giữ của Nguyễn Minh Đ4, kết quả điều tra xác định là xe của bà Lê Thị Thùy Phương (sinh năm 1984 là mẹ của Đường), bà Phương không biết Đường sử dụng xe máy trên để thực hiện hành vi phạm tội; 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29AA-523.23, kết quả điều tra xác định là ông Đào Văn Dũng, ông Dũng không biết việc Đào Ngọc Q3 sử dụng xe máy trên để thực hiện hành vi phạm tội; 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29B1-150.60 thu giữ Nguyễn Tuấn D3, kết quả điều tra xác định là của ông Nguyễn Lương Duy (sinh năm 1973 là bố của Dương), ông Duy không biết việc Dương sử dụng xe máy trên để đánh nhau; 01 (một) xe máy nhãn hiệu

Honda Wave, biển kiểm soát 29X3-079.93, kết quả điều tra xác định là của bà Trần Thị Duyên, bà Duyên không biết việc Phạm Văn Q sử dụng xe trên thực hiện hành vi phạm tội; 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29X3-575.12 thu giữ Nguyễn Vinh Q1, kết quả điều tra xác định là của bà Đỗ Thị Ngọc (sinh năm 1989 là mẹ của Quang), bà Ngọc không biết việc Quang sử dụng xe máy trên để thực hiện hành vi phạm tội; xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 29X3-590.06, kết quả điều tra xác định là của ông Nguyễn Văn Bắc (sinh năm 1988 là bố của Nguyên), ông Bắc không biết việc Nguyên sử dụng xe máy trên đi đánh nhau nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 tuýp sắt dài khoảng 2,5m, đầu gắn dao nhọn dài khoảng 50cm; 01 lưỡi dao bầu bị gãy cán dài khoảng 25cm là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh Đ4 là người khuyết tật nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Lê Đức T 21 (hai mươi một) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 (bốn mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.2 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Nguyễn Hữu T1 18 (mười tám) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.3 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Phạm Văn M 18 (mười tám) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.4 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Lê Thành Đ2 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù được tính từ ngày 12/7/2024.

1.5 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Phạm Văn Q 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù được tính từ ngày 11/7/2024.

1.6 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Kim Anh H1 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.7 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Hoàng Tuấn D1 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.8 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Hoàng Tuấn A 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.9 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Lê Văn G 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.10 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Nguyễn Vinh Q1 từ 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.11 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Đào Ngọc Q3 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.12 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Trần Tiến Đ4 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.13 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Lê Cẩm T4 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.14 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Nguyễn Tiến B2 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

1.15 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Nguyễn Minh Đ4 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Lê Đức T, Hoàng Tuấn D1, Hoàng Tuấn A, Lê Văn G, Trần Tiến Đ4, Lê Cẩm T4 cho Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện Đ, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu T1, Đào Ngọc Q3, Nguyễn Tiến B2, Nguyễn Minh Đ4 cho Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện Đ, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Giao bị cáo Phạm Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Phương Đình, huyện Đ, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Giao bị cáo Kim Anh H1 cho Ủy ban nhân dân xã Trung Châu, huyện Đ, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Vinh Q1 cho Ủy ban nhân dân xã H4, huyện Đ, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về nghĩa vụ bồi thường dân sự: không .

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 tuýp sắt dài khoảng 2,5m, đầu gắn dao nhọn dài khoảng 50cm; 01 lưỡi dao bầu bị gãy cán dài khoảng 25cm

(Vật chứng hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/02/2025 giữa Công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Hữu T1, Phạm Văn M, Lê Thành Đ2, Phạm Văn Q, Kim Anh H1, Hoàng Tuấn D1, Hoàng Tuấn A, Lê Văn G, Nguyễn Vinh Q1, Đào Ngọc Q3, Trần Tiến Đ4, Lê Cẩm T4, Nguyễn Tiến B2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn cho bị cáo Nguyễn Minh Đ4 không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CQTHAHS huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Bị cáo; những người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thuý

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

